

Bản án số: 184/2025/HNGĐ-ST
Ngày 25-7-2025
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Phích

Ông Đặng Huy Du

Ông Nguyễn Thanh Hải.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Mai Phương - Thẩm tra viên Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- **Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Đỗ Thu Hương.

Ngày 25 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 163/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2025 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 68/2025/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1970; nơi cư trú: Số 22/202 Miếu Hai X, phường Dư Hàng K, quận Lê Ch, (nay là phường Lê Ch), thành phố Hải Ph; chỗ ở hiện nay: Số 8/51/239 Lê L, phường Lạch Tr, quận Ngô Qu (nay là phường Gia V), thành phố Hải Ph; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt,

- **Bị đơn:** Chị Nguyễn Ánh T, sinh năm 1975; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 22/202 Miếu Hai X, phường Dư Hàng K, quận Lê Ch, (nay là phường Lê Ch), thành phố Hải Ph, hiện ở Hồng K; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện nhận ngày 09 tháng 4 năm 2025 và các lời khai, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn D trình bày:

Anh D và chị Nguyễn Ánh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng ngày 28/12/2018. Sau khi kết hôn, anh D và chị T chung sống với nhau tại số 22/202 Miếu Hai Xã, phường Dư Hàng Kênh, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng khoảng một thời gian ngắn. Đến giữa năm 2019 chị T sang Hồng Kông lao động làm việc được ba năm đến năm 2022 chị có quay trở về Việt Nam, vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống và do những khó khăn về kinh tế nên hai vợ chồng không còn tìm thấy tiếng nói chung. Sau thời gian đó chị T đã quay trở lại Hồng Kông và từ đó đến nay không quay trở về Việt Nam và thỉnh thoảng vẫn liên lạc với anh D để hỏi thăm gia đình nhưng anh D không biết cụ thể địa chỉ của chị T ở bên Hồng Kông. Anh D cho rằng chị T cố tình giấu địa chỉ và không muốn cho anh D biết hiện nay đang ở đâu. Nay vợ chồng anh, chị đã ly thân đã lâu, mỗi người một nơi, không ai còn quan tâm đến ai, tình cảm vợ chồng không còn nên anh D làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết cho anh D được ly hôn với chị T để hai bên còn giải phóng cho nhau, mỗi bên tự ổn định cuộc sống riêng của mình.

Về con chung: Anh D và chị T không có con chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết

Về tài sản chung: Anh D không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn chị T không có văn bản trình bày ý kiến. Nguyên đơn anh D chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng ở Việt Nam của chị T mà không cung cấp được địa chỉ của chị T ở nước ngoài.

Xác minh qua người thân (dì ruột) của chị T được biết chị T vẫn liên lạc với gia đình ở trong nước nhưng không cung cấp địa chỉ. Gia đình đã thông báo cho chị T về việc Tòa án đang giải quyết đơn ly hôn của anh Nguyễn Văn D, chị T có ý kiến đồng ý với quan điểm của anh D về tình cảm. Tuy nhiên, do bận công việc và sống xa nơi có Đại sứ quán Việt Nam tại Hồng Kông nên chị T không gửi tài liệu về cho Tòa án. Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho chị T theo quy định của pháp luật.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý và trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự, bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Ánh T kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng ngày 28/12/2018 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung

sống, chị T ra nước ngoài sinh sống và làm việc từ năm 2022 đến nay. Từ đó đến nay hai bên không liên lạc với nhau. Xét thấy, mâu thuẫn đã trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ, việc anh D có đơn xin ly hôn là có căn cứ cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Anh D và chị T không có con chung nên không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết

Về tài sản chung: Anh D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là chị Nguyễn Ánh T hiện đang cư trú tại nước ngoài nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Theo Công văn số 3084/PA08 (Đ1) ngày 26/5/2025 của Phòng quản lý Xuất nhập cảnh Công an thành phố Hải Phòng cho thấy chị Nguyễn Ánh T đã xuất cảnh gần nhất là ngày 30/7/2024 qua Cửa khẩu hàng không quốc tế Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh Việt Nam. Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã hai lần yêu cầu người thân (dì ruột) của chị T là bà Lê Thị Oanh cung cấp địa chỉ của bị đơn nhưng bà Oanh không cung cấp được. Bà Lê Thị Oanh trình bày chị T hiện đang sinh sống ở Hồng Kông, vẫn liên lạc với gia đình qua điện thoại nhưng không cung cấp địa chỉ cụ thể. Bà Oanh đã thông báo cho chị T về việc Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng đã thụ lý giải quyết đơn ly hôn của anh Nguyễn Văn D, chị T có ý kiến do chị bận công việc, hơn nữa nơi chị sinh sống cách xa Đại sứ quán Việt Nam nên không thể gửi tài liệu về cho Toà án. Từ căn cứ trên cho thấy việc xin ly hôn của anh Nguyễn Văn D thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao. Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung. Tại phiên tòa, nguyên đơn cũng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Ánh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng ngày 28/12/2018 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định tại Điều 9; Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Năm 2019 chị T sang Hồng Kông sinh sống và làm việc. Thời gian đầu vợ chồng thường xuyên liên lạc và quan tâm đến nhau. Tuy nhiên, đến năm 2022 thì hai bên nảy sinh mâu thuẫn do xa cách về địa lý, tình cảm vợ chồng dần lạnh nhạt. Đến nay, anh D xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hai bên không còn sự quan tâm, trách nhiệm với nhau, vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ. Mặt khác, qua trình bày của di ruột chị T là bà Lê Thị Oanh cho thấy chị T đã được biết việc anh D có đơn xin ly hôn. Chị T có quan điểm đồng ý ly hôn anh D do tình cảm vợ chồng không còn. Do vậy, việc anh Nguyễn Văn D yêu cầu ly hôn là có cơ sở, cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh D.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Ánh T không có con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn D là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Ánh T được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 207; khoản 1 Điều 228; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn D được ly hôn chị Nguyễn Ánh T

2. Về án phí: Anh Nguyễn Văn D phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Anh D đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001215 ngày 11 tháng 4 năm 2025 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng (nay là Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng) được trừ vào tiền án phí ly hôn sơ thẩm mà anh D phải chịu. Anh Nguyễn Văn D đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo đối với Bản án:

- Anh Nguyễn Văn D được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Chị Nguyễn Ánh T được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 01 (một) tháng, kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hải Phòng;
- THADS thành phố Hải Phòng;
- UBND phường Gia Viên, TP Hải Phòng (GCNKH số 100 ngày 28/12/2018);
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Văn Phích

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Huy Du Nguyễn Thanh Hải

Ngô Thị Thuỳ Linh

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Cục THADS thành phố Hải Phòng;
- UBND p. Minh Khai, q. Hồng Bàng, TP Hải Phòng (GCNKH số 14 ngày 21/3/2013);
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Ngô Thị Thuỳ Linh

